

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2025/HS-ST

Ngày 02 - 4 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hạnh;
Ông Lê Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cao Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 179/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Lương Văn T - sinh năm 2003 tại T; Số CCCD: 038203015113; Nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn B và bà Lương Thị M; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/02/2025. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T – Phân trại tạm giam khu vực Thành phố T. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Đinh Văn T1 – sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Công T2 – Sinh năm 1947 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ cùng là nhân viên làm việc với nhau tại nhà hàng K2, địa chỉ tại B D, phường T (nay là phường P), thành phố T, tỉnh T. Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 17/11/2024, Lương Văn T đi uống rượu về nhà hàng thấy anh Đinh Văn T1, sinh năm 2000, trú tại tổ dân phố K, phường Q, thành phố S, tỉnh T đang ngủ, T gọi anh T1 dậy hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển kiểm soát 36B8-837.05, trong cốp xe có chiếc ví bên trong chứa đựng giấy đăng ký xe mô tô; căn cước công dân; giấy chứng nhận sĩ quan, hạ sĩ quan mang tên anh Đinh Văn T1 với mục đích đi về quê và khám bệnh 01 ngày. Được anh T1 đồng ý cho mượn xe, T đi thẳng về nhà ở thôn H, xã L, huyện T nhưng không đi khám bệnh mà sử dụng xe chở bạn là anh Cầm Bá K, sinh năm 2000 (ở cùng thôn) đi chơi. Khi đi đến Cửa hàng cầm đồ Thắng T3, địa chỉ tại thị trấn K, huyện T do ông Dương Công T2, sinh năm 1947, trú tại thôn T, xã L, huyện T làm chủ, T nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe để lấy tiền tiêu xài cá nhân nên đem xe vào cửa hàng cầm đồ cầm cố chiếc xe lấy số tiền 1.000.000 đồng, đồng thời xuất trình giấy tờ xe và căn cước công dân mang tên Đinh Văn T1. Ông T2 kiểm tra thấy giấy tờ xe đầy đủ nên đồng ý cho T cầm cố. Do không sử dụng đến số tiền trên, cùng ngày T quay lại trả tiền cho ông T2 và nhận lại chiếc xe mô tô cùng giấy tờ liên quan.

Ngày 19/11/2024, cháu Hà Thị Ngọc B1, sinh năm 2009 (ở cùng thôn và là cháu con chị gái T) thấy T đi xe mô tô nhãn T có tiền mua xe nên đòi khoản nợ 13.000.000 đồng Tam vay từ năm 2023. Lương Văn T mang chiếc xe mô tô cùng toàn bộ giấy tờ mang tên anh T1 quay lại Cửa hàng cầm đồ Thắng T3 cầm cố lấy 10.500.000 đồng, hẹn 10 ngày thanh toán số tiền trên, T sử dụng 10.000.000 đồng trả nợ cho cháu B1. Đến ngày 20/11/2024, T quay lại cửa hàng cầm đồ lấy thêm 4.500.000 đồng, T sử dụng 3.000.000 đồng trả nợ hết tiền vay cho cháu B1. Tổng số tiền cầm cố được 15.000.000 đồng, T trả nợ 13.000.000 đồng, còn lại 2.000.000 đồng Tam sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau đó, T đi đến thành phố T làm thợ sắt và đi làm thuê ở tỉnh Hà Nam, không quay lại nhà hàng K2.

Về anh Đinh Văn T1, sau khi cho Tam mượn xe không thấy T mang xe trả đúng hạn nên đã nhắn tin, gọi điện, T nói không xuống được mà sẽ gửi xe trả anh T1. Khoảng ngày 19 đến 20/11/2024 anh T1 đến nhà T tìm hiểu thì biết T đã cầm cố chiếc xe mô tô của mình và đi đâu không rõ, không liên lạc được. Ngày 23/11/2024, T nhắn tin cho anh T1 thừa nhận đã cầm cố chiếc xe và xin khất từ 5 đến 10 ngày sẽ trả lại xe cho anh T1, tuy được anh T1 đồng ý nhưng đến ngày 04/12/2024 vẫn không thấy T mang xe đến trả và không liên lạc được nên anh T1 báo cáo vụ việc với Công an phường T (nay là phường P), thành phố T.

Ngày 19/12/2024, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố T có Kết luận định giá tài sản số 106/KL-HĐĐGTS, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER, biển kiểm soát 36B8-837.05, số máy: G3M5E130777; số khung: RLCUG1210NY066565, màu xám, xanh, bạc, đen, đăng ký ngày 17/5/2022, đã qua sử dụng. Giá trị tài sản 30.000.000 đồng.

Việc thu giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển kiểm soát 36B8-837.05, cùng toàn bộ giấy tờ liên quan trả lại cho chủ sở hữu là anh Đinh Văn T1.

Về phần dân sự: Người bị hại anh Đinh Văn T1 đã nhận lại toàn bộ tài sản. Bị cáo Lương Văn T đã trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Công T2 số tiền 15.000.000 đồng nên anh T1, anh T2 không yêu cầu gì về phần dân sự.

Ông Dương Công T2 chủ cửa hàng cầm đồ Thắng T3 có giấy phép đăng ký kinh doanh là người cho Lương Văn T cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển kiểm soát 36B8-837.05. Khi nhận cầm cố ông T2 không biết tài sản do Tam mượn của anh Đinh Văn T1 mà có và đã kiểm tra giấy chứng nhận đăng ký xe, căn cước công dân trùng khớp với tên chủ sở hữu tài sản. Khi biết không phải là tài sản của T, ông T2 đã tự nguyện giao nộp tài sản cùng giấy tờ liên quan cho Cơ quan Công an. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý đối với ông Dương Công T2.

Cáo trạng số 118/Ctr-VKSTPTH ngày 27/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đã truy tố bị cáo T về tội “Lạm dụng tín nhiệm tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, tỉnh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 15 đến 18 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2025.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Do bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Cơ quan điều tra.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 04 giờ 00 phút ngày 17/11/2024, Lương Văn Tam mượn của anh Đinh Văn T1 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển kiểm soát 36B8-837.05 cùng giấy đăng ký xe mô tô và các giấy tờ liên quan với mục đích đi về quê khám bệnh 01 ngày. Do không có tiền trả nợ và tiêu sài cá nhân nên ngày 19/11/2024 Lương Văn T mang chiếc xe mô tô cùng toàn bộ giấy tờ mang tên anh T1 đến Cửa hàng cầm đồ Thắng T3 địa chỉ tại thị trấn K, huyện T, tỉnh T cầm cố lấy 10.500.000 đồng, đến ngày 20/11/2024 T quay lại cửa hàng cầm đồ lấy thêm 4.500.000 đồng. Tổng số tiền cầm cố được 15.000.000 đồng, T sử dụng 13.000.000 đồng để trả nợ, còn lại 2.000.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau đó, T đi làm ăn ở nơi khác không quay lại nhà hàng K1 và không liên lạc với anh T3. Giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt được định giá là 30.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Sau khi mượn tài sản của người khác, bị cáo đã sử dụng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin để xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Do đó cần phải có đường lối xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do đó cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự để cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, phòng ngừa tội phạm, đồng thời giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, biển kiểm soát 36B8-837.05, cùng toàn bộ giấy tờ liên quan trả lại cho chủ sở hữu là anh Đinh Văn T1 là đúng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Người bị hại là anh Đinh Văn T1 đã nhận lại toàn bộ tài sản. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Công

T2 đã được bị cáo Tam trả lại số tiền 15.000.000 đồng. Anh T1, anh T2 không yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét thêm.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt Lương Văn T 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/02/2025.

Về phần dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tiền, tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TP. T;
- Văn phòng CSĐT Công an tỉnh T;
- Trại tạm giam CA tỉnh - Phân trại kv TP.T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có qnlvq;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh